

Bản án số: 13/2017/HSST

Ngày 23- 11- 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Phi Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Hồng

Ông Nguyễn Hữu Hưởng

-Thư ký phiên toà: Ông Phan Hồng Quân - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2017 tại Nhà văn hóa thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai. Tòa án nhân dân huyện S xét xử lưu động sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2017/TLST- HS ngày 03 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2017/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Lừu Thị M, tên gọi khác: Không; Sinh năm 1976 tại xã M, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: Không biết chữ.; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Lừu A C - sinh năm: 1959 (Đã chết).

Con bà: Cư Thị S - sinh năm: 1958.

Trú tại: Xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai.

Chồng: Giàng Sênh S - sinh năm 1978 (Đã ly hôn năm 2004).

Con: Bị cáo có ba con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật.

Ngày bị tạm giữ: 26/7/2017; Tạm giam từ ngày 28/7/2017. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn H- Trợ giúp viên pháp lý công tác tại Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 1 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai bào chữa cho Lừu Thị M - Có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Vũ Văn T, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai- Vắng mặt

- Chị Ngô Thị Đ, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai- Vắng mặt

- Anh Lừu Seo Ch, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện S, tỉnh Lào Cai- Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 40 phút ngày 26/7/2017 trong khi làm nhiệm vụ tại thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai, tổ công tác của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S phát hiện bắt quả tang Vũ Văn T trú tại thôn P, xã S, huyện S đang tàng trữ 01 gói giấy màu trắng, bên trong chứa chất bột khô màu trắng vón cục, Vũ Văn T khai đó là Hêrôin vừa mua của Lừu Thị M ở thôn P, xã S, huyện S mua với giá 100.000 đồng (gồm 5 tờ tiền mỗi tờ mệnh giá 20.000 đồng). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lừu Thị M phát hiện và thu giữ một gói nilon màu xanh bên trong có một cục chất bột màu trắng vón cục; một gói nilon màu xanh bên trong có 11 gói giấy chứa chất bột khô màu trắng vón cục; 01 gói ni lông màu xanh trong có 06 gói giấy nhỏ màu trắng chứa chất bột khô màu trắng vón cục. Tại Cơ quan điều tra Lừu Thị M khai nhận là Hêrôin do một người đàn ông có tên là Q ở huyện SP đem đến nhà đưa cho M vào khoảng 18 giờ ngày 10/7/2017 bảo M bán kiếm lời chia nhau.

Tại bản kết luận giám định số 165/GĐMT ngày 28/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lào Cai kết luận: 0,07 gam chất bột khô màu trắng, vón cục thu của Vũ Văn T ngày 26/7/2017 là Hêrôin; 06 gói giấy chứa chất bột khô màu trắng vón cục trọng lượng 0,39 gam; 11 gói giấy chứa chất bột khô màu trắng

vón cục trọng lượng 0,81 gam; 01 gói chứa chất bột khô màu trắng vón cục trọng lượng 4,27 gam, thu giữ của Lừu Thị M ngày 26/7/2017 là Hêrôin.

Tại cáo trạng số 11/KSĐT ngày 30/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S đã truy tố bị can Lừu Thị M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Lừu Thị M phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuyên phạt bị cáo Lừu Thị M từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù giam.

+ Việc xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu 4,8 (*bốn phẩy tám*) gam Hêrôin còn lại sau giám định để tiêu hủy;

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 100.000 đồng (*một trăm nghìn đồng*) là tiền do Lừu Thị M phạm tội mà có.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuyên phạt bị cáo Lừu Thị M 07 năm tù giam.

- Ý kiến của người làm chứng:

Anh Vũ Văn T có ý kiến: Ngày 26/7/2017, anh đi từ nhà đến nhà của bị cáo M để mua hêrôin về sử dụng. Khi vào nhà bị cáo M thì hỏi “có hàng không bán cho em một tép”, Bị cáo M bảo “có”. Anh T đưa cho bị cáo 100.000 đồng (*một trăm nghìn*) đồng (gồm 5 tờ tiền mỗi tờ mệnh giá 20.000 đồng). Bị cáo cho tiền vào túi thổ cẩm đeo trên người rồi lấy ra một gói nhỏ hêrôin đưa cho anh T. Anh T cầm về với mục đích để sử dụng. Khi đi đến cổng bến xe huyện S thì bị cơ quan công an bắt giữ, thu giữ tép hêrôin và đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã S lập biên bản.

Chị Ngô Thị Đ có ý kiến: Chị được chứng kiến việc cơ quan công an khám xét, thu giữ và lập biên bản toàn bộ số ma túy mà Lừu Thị M giấu trên người và trong buồng. Chị xác nhận việc cơ quan khám xét và lập biên bản là hoàn toàn đúng quy định.

Anh Lừ Seo Ch có ý kiến: Anh C không biết sự việc chị gái mình là Lừ Thị M mua bán trái phép chất ma túy. Khi bị cáo M bị bắt thì anh C mới biết.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; biết việc mua bán trái phép chất ma túy là bị nghiêm cấm, song do háms lợi nên khi đối tượng Q ở SP rủ rê bị cáo bán ma túy thì bị cáo đã đồng ý. Sau đó, Q đã đưa cho bị cáo 5,54 gam hêrôin và bị cáo đã bán 0,07 gam cho Vũ Văn T với mục đích để lấy tiền chia nhau. Như vậy, đã có đủ cơ sở khẳng định, Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng Pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình khởi tố điều tra và tại phiên tòa thấy rằng bị cáo: thành khẩn khai báo. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm p khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của Pháp luật.

Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính điều luật còn quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo Lừ Thị M là người dân tộc thiểu số, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với Vũ Văn T là đối tượng nghiện hút đã mua 0,07gam Hêrôin của Lừ Thị M để sử dụng, hành vi đó của Vũ Văn T chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã đề nghị Ủy ban nhân dân xã S

ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường đối với Vũ Văn T là đúng quy định pháp luật.

Đối với người đàn ông tên là Q ở huyện SP, tỉnh Lào Cai đã mang Hêrôin đến nhà M và bảo M bán kiếm lời chia nhau. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã tiến hành xác minh nhưng không làm rõ được họ tên, địa chỉ người đó ở đâu nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý trong vụ án.

[2] Việc xử lý vật chứng:

+ Đối với vật chứng sử dụng để giám định gồm: Bì 01: 0,07 (*không phải không bầy*) gam chất bột khô màu trắng vón cục ; Bì 04: Trích 0,12 (*không phải mười hai*) gam từ 0,39 (*không phải ba mươi chín*) gam chất bột khô, màu trắng, vón cục; Bì 06: Trích 0,21(*không phải hai mươi mốt*) gam từ 0,81 (*không phải tám mươi mốt*) gam chất bột khô, màu trắng, vón cục; Bì 07: Trích 0,34 (*không phải ba mươi tư*) gam từ 4,27 (*bốn phải hai mươi bảy*) gam chất bột khô, màu trắng, vón cục. Cơ quan giám định đã sử dụng để giám định và lưu mẫu không hoàn lại. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét xử lý trong vụ án.

+ Số vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định gồm: Bì 04: 0,27 (*không phải hai mươi bảy*) gam; Bì 06: 0,60 (*không phải sáu mươi*) gam; Bì 07: 3,93 (*ba phải chín mươi ba*) gam được niêm phong trong một bì thư in sẵn, màu trắng. Mặt trước có ghi Công an tỉnh Lào Cai, phòng kỹ thuật hình sự điện thoại 0692449120, vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu trong vụ Vũ Văn T và Lừ Thị M có hành vi phạm tội về ma túy phát hiện (thu giữ) ngày 26/7/2017 tại thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai. Mặt sau được dán kín các mép và có bốn dấu tròn của Công an tỉnh Lào Cai- Phòng kỹ thuật hình sự. Tại mép dán có chữ ký và ghi tên Đoàn Tuấn T, Nguyễn Hồng P. Phong bì còn nguyên vẹn, không bị rách. Hiện tại vật chứng này đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai bảo quản. Xét thấy vật chứng là vật cấm lưu hành, cần áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 để tịch thu và tiêu hủy.

+ Đối với số tiền 100.000 đồng (*một trăm nghìn đồng*), hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai tạm giữ, xét thấy đây là số tiền do Lừ Thị M phạm tội mà có cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm c, khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ Đối với 01 chiếc điện thoại di động màu trắng nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 063231096 mang tên Lừ Thị M; 01 Giấy chứng nhận xe mô tô số 018057, BKS 24B1- 855.37 mang tên Lừ Thị M; 01 giấy

phép lái xe mô tô số 101160004575 mang tên Lừ Thị M; 01 thẻ rút tiền AGRIBANK mang tên Lừ Thị M và số tiền 4.252.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng*). Kết quả điều tra chứng minh không liên quan đến việc mua bán ma túy. Ngày 12/09/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S đã ta quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Lừ Thị M là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Các văn bản của các cơ quan tiến hành tố tụng được tổng đạt cho bị can, những người tham gia tố tụng khác là đúng trình tự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Việc luận tội, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định của bộ luật tố tụng hình sự.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: bị cáo Lừ Thị M phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào, điểm h khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm a, c khoản 2 điều 76, khoản 1,2 Điều 199 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lừ Thị M phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lừ Thị M 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 26/7/2017

3. Việc xử lý vật chứng:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 100.000 đồng (*một trăm nghìn đồng*) do Lừ Thị M phạm tội mà có.

Tịch thu tiêu hủy: Bì 04: 0,27 (*không phải hai mươi bảy*) gam; Bì 06: 0,60 (*không phải sáu mươi*) gam; Bì 07: 3,93 (*ba phải chín mươi ba*) gam được niêm phong trong một bì thư in sẵn, màu trắng. Mặt trước có ghi Công an tỉnh Lào Cai, phòng kỹ thuật hình sự điện thoại 0692449120, vật chứng còn lại sau trích mẫu

giám định thu trong vụ Vũ Văn T và Lừ Thị M có hành vi phạm tội về ma túy phát hiện (thu giữ) ngày 26/7/2017 tại thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai. Mặt sau được dán kín các mép và có bốn dấu tròn của Công an tỉnh Lào Cai- Phòng kỹ thuật hình sự. Tại mép dán có chữ ký và ghi tên Đoàn Tuấn T, Nguyễn Hồng P. Phong bì còn nguyên vẹn, không bị rách.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo Lừ Thị M phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an huyện S;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- CCT.H.A huyện S;
- Người bào chữa;
- Lưu: HS, THS, THAHS;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Phi Long